

ĐỀ ÔN TẬP HÈ TOÁN LỚP 3**BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****ĐỀ SỐ 1****PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**

Khoanh vào chữ cái trước ý đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1. Cho tổng sau: $80\ 000 + 50 + 2$. Số được tạo thành là:

- A. 80 502 B. 80 052 C. 8 502 D. 80 852

Câu 2. Làm tròn số 56 485 đến hàng nghìn ta được:

- A. 56 000 B. 60 000 C. 56 500 D. 56 490

Câu 3. Đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



- A. 11 giờ 52 phút B. 9 giờ 59 phút
C. 11 giờ 48 phút D. 12 giờ 47 phút

Câu 4. Ngày 27 tháng 3 là thứ Hai thì ngày 1 tháng 4 của năm đó là thứ mấy?

- A. Thứ Bảy B. Thứ Sáu C. Thứ Năm D. Chủ nhật

Câu 5. Dưới đây là bảng số liệu về thời gian mà bốn bạn Linh, Mai, Yến và Nhi khi tham gia chạy 100m.

Bạn	Linh	Mai	Yến	Nhi
Thời gian (giây)	15	17	14	19

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết bạn nào chạy nhanh nhất?

- A. Linh B. Mai C. Yến D. Nhi

Câu 6. Lan mua một quyển vở giá 8 500 đồng và 2 cái bút, mỗi cái bút giá 3 500 đồng. Lan đưa cô bán hàng 20 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lan bao nhiêu tiền?

- A. 8 000 đồng B. 9 000 đồng C. 4 500 đồng D. 5 500 đồng

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

45 378 + 37 416 68 157 – 56 249 8 206 x 6 12 545 : 5

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $90\ 090 - 1\ 245 : 5$

b) $(18\ 063 - 6\ 758) \times 4$

.....

Câu 3. Tìm x, biết:

a) $x + 12\ 697 = 7\ 648 \times 4$

b) $x \times 7 = 62\ 755$

.....

Câu 4. Xe thứ nhất chở được 1 245 kg gạo. Xe thứ hai chở được bằng $\frac{1}{3}$ xe thứ hai. Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



.....

Câu 5.

a) Tính diện tích hình vuông có chu vi 36 cm.

b) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông ở câu a và có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Cho tổng sau: $80\ 000 + 50 + 2$. Số được tạo thành là:

- A. 80 502 B. 80 052 C. 8 502 D. 80 852

Phương pháp

Tính tổng đã cho rồi chọn kết quả thích hợp.

Lời giải

Ta có $80\ 000 + 50 + 2 = 80\ 052$

Chọn B

Câu 2. Làm tròn số 56 485 đến hàng nghìn ta được:

- A. 56 000 B. 60 000 C. 56 500 D. 56 490

Phương pháp

Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

Làm tròn số 56 485 đến hàng nghìn ta được 56 000. (vì chữ số hàng trăm là $4 < 5$, làm tròn xuống)

Chọn A

Câu 3. Đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



- A. 11 giờ 52 phút B. 9 giờ 59 phút
C. 11 giờ 48 phút D. 12 giờ 47 phút

Phương pháp

Quan sát đồng hồ để xác định thời gian trên đồng hồ đó.

Lời giải

Đồng hồ chỉ 11 giờ 48 phút.

Chọn C

Câu 4. Ngày 27 tháng 3 là thứ Hai thì ngày 1 tháng 4 của năm đó là thứ mấy?

- A. Thứ Bảy B. Thứ Sáu C. Thứ Năm D. Chủ nhật

Phương pháp

Xác định số ngày của tháng 3 để trả lời câu hỏi của bài toán.

Lời giải

Tháng 3 có 31 ngày.

Ngày 27 tháng 3 là thứ Hai thì ngày 1 tháng 4 của năm đó là thứ Bảy.

Chọn A

Câu 5. Dưới đây là bảng số liệu về thời gian mà bốn bạn Linh, Mai, Yến và Nhi khi tham gia chạy 100m.

Bạn	Linh	Mai	Yến	Nhi
Thời gian (giây)	15	17	14	19

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết bạn nào chạy nhanh nhất?

A. Linh **B.** Mai **C.** Yến **D.** Nhi

Phương pháp

Quan sát bảng số liệu để xác định thời gian chạy của mỗi bạn.

Bạn nào có thời gian chạy ngắn nhất thì bạn đó chạy nhanh nhất.

Lời giải

Ta thấy bạn Yến có thời gian chạy ngắn nhất.

Vậy bạn Yến chạy nhanh nhất.

Chọn C

Câu 6. Lan mua một quyển vở giá 8 500 đồng và 2 cái bút, mỗi cái bút giá 3 500 đồng. Lan đưa cô bán hàng 20 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lan bao nhiêu tiền?

A. 8 000 đồng **B.** 9 000 đồng **C.** 4 500 đồng **D.** 5 500 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền Lan đã mua 1 quyển vở và 2 cái bút

- Tìm số tiền cô bán hàng cần trả lại

Lời giải

Lan mua 1 quyển vở và 2 cái bút hết số tiền là: $8\,500 + 3\,500 \times 2 = 15\,500$ (đồng)

Cô bán hàng phải trả lại Lan số tiền là: $20\,000 - 15\,500 = 4\,500$ (đồng)

Chọn C**PHẦN II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$45\,378 + 37\,416$$

$$68\,157 - 56\,249$$

$$8\,206 \times 6$$

$$12\,545 : 5$$

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ, phép nhân: Thực hiện lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 45378 \\ + 37416 \\ \hline 82794 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68157 \\ - 56249 \\ \hline 11908 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8206 \\ \times 6 \\ \hline 49236 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12545 \overline{) 5} \\ 25 \overline{) 2509} \\ 04 \\ 45 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $90\,090 - 1\,245 : 5$

b) $(18\,063 - 6\,758) \times 4$

Phương pháp

- a) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.
- b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện biểu thức ở trong ngoặc trước.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 90\,090 - 1\,245 : 5 &= 90\,090 - 249 \\ &= 89\,841 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (18\,063 - 6\,758) \times 4 &= 11\,305 \times 4 \\ &= 45\,220 \end{aligned}$$

Câu 3. Tìm x, biết:

a) $x + 12\,697 = 7\,648 \times 4$

b) $x \times 7 = 62\,755$

Phương pháp

- Tính giá trị của vế phải
- Muốn tìm x ở vị trí số hạng chưa biết, ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết
- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số kia

Lời giải

a) $x + 12\,697 = 7\,648 \times 4$

$$x + 12\,697 = 30\,592$$

$$x = 30\,592 - 12\,697$$

$$x = 17\,895$$

b) $x \times 7 = 62\,755$

$$x = 62\,755 : 7$$

$$x = 8965$$

Câu 4. Xe thứ nhất chở được 1 245 kg gạo. Xe thứ hai chở được bằng $\frac{1}{3}$ xe thứ nhất. Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Phương pháp

- Tìm số kg gạo xe thứ hai chở được = Số kg gạo xe thứ nhất chở được : 3
- Tìm số kg gạo 2 xe chở được

Lời giải

Số ki-lô-gam gạo xe thứ hai chở được là:

$$1\ 245 : 3 = 415 \text{ (kg)}$$

Cả hai xe chở được số ki-lô-gam gạo là:

$$1\ 245 + 415 = 1\ 660 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1 660 kg gạo

Câu 5.

- a) Tính diện tích hình vuông có chu vi 36 cm.
- b) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông ở câu a và có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

Phương pháp

- a) Tìm độ dài cạnh hình vuông = chu vi : 4

Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh

- b) Chiều dài = chiều rộng x 4

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Lời giải

- a) Độ dài cạnh hình vuông là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình vuông là:

$$9 \times 9 = 81 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 81 cm²

- b) Ta có chiều rộng hình chữ nhật bằng độ dài cạnh hình vuông và bằng 9 cm

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$9 \times 3 = 27 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(27 + 9) \times 2 = 72 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 72 cm